

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 11- 8 - 2023  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Minh và bà Phan Thị Kim Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà H’Ra Chen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự.

**- Nguyên đơn:** Chị Cháu Thị Th, sinh năm 1987 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Anh Lý Sáng Ph, sinh năm 1983 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Cháu Thị Th trình bày:* Chị và anh Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn. Việc chung sống với nhau là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, việc không đăng ký kết hôn là do không am hiểu pháp luật. Lý do chị làm đơn đề nghị không công nhận vợ chồng với anh Ph là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh Ph sống gia trưởng, không tôn trọng, không quan tâm và thường xuyên xúc phạm chị. Chị Th và anh Ph đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Chị Th không còn tình cảm với anh Ph nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị và anh Ph là vợ chồng.

Về con chung: Chị Th và anh Ph có 01 con chung là Lý Phúc H, sinh ngày 19/02/2005, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Sáng Ph trình bày:* Anh Ph thừa nhận lời trình bày của chị Th về quá trình chung sống của anh với chị Th là đúng. Anh và chị Th chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm, hai người không có nghề nghiệp ổn định nên kinh tế gia đình khó khăn, anh Ph thường xuyên uống rượu say xỉn rồi chửi bới chị Th nên anh và chị Th đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, anh Ph cũng không còn tình cảm với chị Th, vì vậy anh Ph yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, không công nhận anh và chị Th là vợ chồng.

Về con chung: Anh Ph và chị Th có 01 con chung là Lý Phúc H, sinh ngày 19/02/2005, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Cháu Thị Th và anh Lý Sáng Ph là vợ chồng.

Về con chung đã trưởng thành, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Cháu Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Cháu Thị Th khởi kiện anh Lý Sáng Ph về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại bon M, xã Đ, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cháu Thị Th và anh Lý Sáng Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, tuy đủ điều kiện để kết hôn nhưng chị Th và anh Ph không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, anh Ph và chị Th đều sống không có trách nhiệm với nhau và với gia đình. Tình cảm dành cho nhau không còn, do đó chị Th và anh Ph đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Th và anh Ph không hợp pháp và đều thống nhất quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận chị Th và anh Ph là vợ chồng.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức về nội dung vụ án có là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/UBTVQH10 ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cháu Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Cháu Thị Th và anh Lý Sáng Ph là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Chiu Thị Th phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Th đã nộp theo biên lai số 0002671 ngày 26/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- STP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký, đóng dấu)**

**Nguyễn Xuân Triệu**